

HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ VÀ THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

NGHỊ ĐỊNH số 65-CP ban hành điều lệ tạm thời về việc xử lý các vụ vi phạm chế độ hợp đồng mua bán hàng hóa trong nước.

HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ nghị định số 004-TTg ngày 4-1-1960 của Thủ tướng Chính phủ ban hành điều lệ tạm thời về chế độ hợp đồng kinh tế giữa các xí nghiệp quốc doanh và các cơ quan Nhà nước ;

Căn cứ nghị định số 29-CP ngày 23-2-1962 của Hội đồng Chính phủ ban hành điều lệ tạm thời quy định những nguyên tắc xử lý trong việc chấp hành chế độ hợp đồng kinh tế ;

Theo đề nghị của ông Chủ tịch Hội đồng trọng tài trung ương ;

Căn cứ nghị quyết của Hội đồng Chính phủ trong hội nghị của Thường vụ Hội đồng Chính phủ ngày 23-1-1963,

NGHỊ ĐỊNH :

Điều 1. — Nay ban hành, kèm theo nghị định này, điều lệ tạm thời về việc xử lý các vụ vi phạm chế độ hợp đồng mua bán hàng hóa trong nước.

Điều 2. — Ông Chủ tịch Hội đồng trọng tài trung ương chịu trách nhiệm giải thích và quy định chi tiết thi hành bản điều lệ này.

Điều 3. — Ông Chủ tịch Hội đồng trọng tài trung ương, các ông Bộ trưởng các Bộ, các ông Tổng cục trưởng các Tổng cục có liên quan, các ông Chủ tịch các Ủy ban hành chính các khu, thành, tỉnh, chịu trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà-nội, ngày 15 tháng 5 năm 1963

T.M Hội đồng Chính phủ
Thủ tướng Chính phủ
PHẠM VĂN ĐỒNG

ĐIỀU LỆ TẠM THỜI

Về việc xử lý các vụ vi phạm chế độ Hợp đồng mua bán hàng hóa trong nước

Chương I

NGUYÊN TẮC CHUNG

Điều 1. — Bản điều lệ tạm thời này cụ thể hóa những nguyên tắc và thể lệ đã ban hành về chế độ hợp đồng kinh tế, nhằm làm cơ sở cho việc xử lý các vụ tranh chấp về từ chối ký kết hợp đồng và vi phạm hợp đồng mua bán hàng hóa trong nước.

Điều 2. — Trong khi xử lý các vụ tranh chấp về từ chối ký kết hợp đồng và vi phạm hợp đồng mua bán hàng hóa trong nước, cần phải quán triệt các mục đích sau đây :

1. Đẩy mạnh sản xuất và lưu thông hàng hóa, đưa sản xuất và lưu thông hàng hóa đi vào kế hoạch.

2. Dề cao tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức và ý thức kỷ luật trong việc thực hiện chế độ hợp đồng, tăng cường sự hợp tác xã hội chủ nghĩa giữa các cơ quan Nhà nước và các đơn vị sản xuất, kinh doanh.

3. Tăng cường ý thức đảm bảo chất lượng hàng hóa, góp phần nâng cao tiêu chuẩn kỹ thuật và chất lượng hàng hóa, khắc phục khuynh hướng chạy theo số lượng, coi nhẹ phẩm chất, tránh ứ đọng vốn, ứ đọng hàng hóa.

4. Bảo đảm lợi ích vật chất của cả hai bên đã ký kết hợp đồng, củng cố và tăng cường chế độ hạch toán kinh tế.

Điều 3. — Hợp đồng mua bán hàng hóa trong nước nói trong điều lệ này bao gồm :

— Hợp đồng cung cấp vật tư kỹ thuật, cung cấp nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu cho sản xuất, xây dựng và vận tải ;

— Hợp đồng mua bán hàng công nghệ, hàng nông sản, lâm sản, thổ sản, hải sản, sách báo ;

— Hợp đồng gia công đặt hàng, hợp đồng bán nguyên liệu, vật liệu, thu mua thành phẩm.

Chương II

THỂ LỆ KÝ KẾT, THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG VÀ XỬ PHẠT CÁC VỤ VI PHẠM

A. Trước lúc ký kết hợp đồng :

Điều 4. — Cơ sở để ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa là chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước và

chỉ tiêu kế hoạch của các Bộ, Tổng cục, Ủy ban hành chính các khu, thành, tỉnh đã được Nhà nước phê chuẩn.

Số lượng và giá trị những loại hàng chủ yếu ghi trong hợp đồng cụ thể phải phù hợp với số lượng và giá trị ghi trong hợp đồng nguyên tắc. Đối với các mặt hàng mà trong kế hoạch chỉ ghi bằng chỉ tiêu giá trị, không ghi bằng chỉ tiêu hiện vật, thì hai bên phải căn cứ vào chỉ tiêu giá trị để quy định cụ thể với nhau. Hai bên mua và bán có thể thỏa thuận với nhau để ký kết thêm về những sản phẩm vượt chỉ tiêu.

Điều 5.— Nội dung hợp đồng phải rõ ràng và cụ thể theo thông tư số 32 — TTg ngày 1-7-1960 của Thủ tướng Chính phủ đã quy định. Hai bên có thể thỏa thuận ghi thêm những điều khoản cần thiết khác, nhưng không được ghi những điều khoản trái với luật lệ Nhà nước hoặc những điều khoản nhằm giảm nhẹ trách nhiệm cho nhau.

Điều 6.— Để bảo đảm thời gian ký kết hợp đồng, sau khi chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước hoặc chỉ tiêu kế hoạch của mỗi Bộ, Tổng cục, khu, thành, tỉnh được thông qua, bên mua cũng như bên bán đều có trách nhiệm cùng nhau thảo luận, thương lượng để việc ký kết hợp đồng được nhanh, gọn và tốt.

Để phân rõ trách nhiệm trong việc xúc tiến ký kết hợp đồng, nay quy định:

— Đối với hàng công nghệ và vật tư kỹ thuật, bên bán phải chủ động lập các bản hợp đồng nguyên tắc và hợp đồng cụ thể, ký trước, gửi cho bên mua;

— Đối với hàng lương thực, thực phẩm và nông sản, lâm sản, thổ sản, hải sản, bên mua phải chủ động lập xong các bản hợp đồng nguyên tắc và hợp đồng cụ thể, ký trước, gửi cho bên bán.

Khi nhận được hợp đồng của một bên đã ký thì bên kia phải nghiên cứu và ký, rồi trả lại trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được. Nếu có những điều chưa nhất trí với nhau thì bên nhận được hợp đồng vẫn phải ký và có kiến nghị gửi kèm theo. Nhất thiết không được từ chối hoặc trì hoãn việc ký kết hợp đồng.

Sau khi nhận được kiến nghị kèm theo hợp đồng đã ký trả lại, bên chủ động lập hợp đồng có nhiệm vụ giải quyết các kiến nghị trong thời hạn 15 ngày; nếu quá hạn này mà không có ý kiến gì thì coi như đã chấp thuận kiến nghị của bên kia. Trong trường hợp có những kiến nghị mà hai bên không thể nhất trí được, bên chủ động lập hợp đồng phải báo cáo lên

Hội đồng trọng tài có thẩm quyền để giải quyết, đồng thời phải báo cho bên kia biết.

Điều 7.— Từ chối ký kết hoặc ký dưới chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước đều coi là vi phạm kỷ luật ký kết hợp đồng.

Vi phạm kỷ luật ký kết hợp đồng nguyên tắc hoặc hợp đồng cụ thể, đều bị xử lý bằng biện pháp hành chính.

B. Sau khi hợp đồng đã ký kết:

Điều 8.— Hàng hóa phải cung cấp đúng số lượng, trọng lượng đã ký kết trong hợp đồng cụ thể. Quá thời hạn cung cấp đã ký kết, bên nào không cung cấp đủ số lượng hay trọng lượng sẽ bị phạt từ 1 đến 3% giá trị của số hàng cung cấp còn thiếu.

Điều 9.— Hàng hóa cung cấp phải đúng phẩm chất, quy cách, tiêu chuẩn kỹ thuật của Nhà nước. Đối với loại hàng nào chưa có tiêu chuẩn kỹ thuật, thì hai bên phải thỏa thuận với nhau và ghi vào hợp đồng, nếu là những quy cách, tiêu chuẩn kỹ thuật do các đơn vị cơ sở tự ấn định với nhau, thì phải được cấp trên của cả hai bên đồng ý.

Nếu cung cấp hàng hóa không đúng phẩm chất, tiêu chuẩn kỹ thuật của Nhà nước hoặc tiêu chuẩn do hai bên đã thỏa thuận ghi trong hợp đồng, thì sẽ bị phạt từ 1 đến 3% giá trị của số hàng hóa không đúng phẩm chất, tiêu chuẩn kỹ thuật. Đối với những hàng hóa kém phẩm chất nhưng vẫn sử dụng được, thì bên cung cấp hàng hóa không được đem bán ra thị trường tự do mà phải căn cứ vào giá trị thực tế của hàng hóa để giảm giá và giao cho bên mua.

Nếu cung cấp hàng hóa không đúng quy cách thì sẽ bị phạt từ 1 đến 2% giá trị của số hàng sai quy cách. Nếu hàng sai quy cách có thể sửa chữa được thì bên bán phải sửa chữa lại, tiền công sửa chữa do bên bán chịu và không được tính vào giá bán. Nếu được bên bán đồng ý thì bên mua có thể sửa chữa, nhưng mọi phí tổn sửa chữa do bên bán chịu.

Điều 10.— Hàng hóa phải cung cấp đủ bộ, đúng loại hàng, mặt hàng, đúng ký hiệu. Đối với máy móc thiết bị, các hàng công nghệ dễ biến chất như hóa chất, dược phẩm, thực phẩm đóng hộp, đóng chai... phải ghi rõ ngày xuất xưởng và thời gian sử dụng có đảm bảo. Nếu cung cấp hàng hóa không đủ bộ, thì sẽ bị phạt từ 1 đến 2% giá trị của toàn bộ mặt hàng không đủ bộ.

Trong thời gian sử dụng có đảm bảo, nếu hàng hóa bị hư hỏng do sản xuất gây nên, thì bên bán phải sửa chữa hoặc đổi thứ khác; nếu do bên mua bảo quản không tốt, thì bên bán không chịu trách nhiệm.

Điều 11. — Nếu cung cấp hàng hóa hoàn toàn không tiêu thụ được thì, ngoài việc chịu phạt theo các điều 9 và 10, bên bán còn phải cung cấp theo yêu cầu của bên mua số lượng hàng hóa khác theo đúng phẩm chất, quy cách, tiêu chuẩn kỹ thuật ghi trong hợp đồng đã ký kết.

Điều 12. — Nếu vì thiếu nguyên liệu, vật liệu, phải dùng thể phẩm mà phải hạ thấp chỉ tiêu chất lượng, hoặc vì muốn thay đổi mặt hàng, thay đổi quy cách mà phải sửa đổi thiết bị, thì phải được cấp trên của hai bên ký hợp đồng đồng ý. Trong khi chưa có quyết định của cấp trên, hai bên phải tiếp tục thực hiện đúng theo phẩm chất quy cách, tiêu chuẩn kỹ thuật đã ghi trong hợp đồng.

Điều 13. — Bao bì đóng gói phải theo đúng tiêu chuẩn Nhà nước quy định. Loại nào chưa được Nhà nước quy định thì hai bên thỏa thuận với nhau trên tinh thần tiết kiệm, phù hợp với thể lệ vận chuyển và phải bảo đảm cho hàng hóa khỏi bị hư hỏng, dơ vỡ, mất mát; giảm phẩm chất trong quá trình vận chuyển và lưu kho.

Nếu cung cấp hàng hóa không đúng tiêu chuẩn bao bì và quy cách đóng gói đã được Nhà nước quy định, hoặc tiêu chuẩn do hai bên thỏa thuận trong hợp đồng, thì bị phạt 0,05% giá trị hàng hóa đựng trong bao bì, nhưng số tiền bị phạt không được thấp hơn giá trị của bao bì đúng tiêu chuẩn.

Trong trường hợp bên bán cho mượn bao bì, hoặc trong hợp đồng có ghi rõ thời hạn bên mua phải hoàn lại bao bì mà bên mua hoàn lại chậm quá thời hạn thì phải bị phạt từ 20 đến 50% giá trị bao bì chưa hoàn lại. Nếu bên mua không chịu hoàn lại bao bì thì ngoài việc nộp phạt như trên, bên mua còn phải bồi thường từ 150 đến 200% giá trị bao bì không chịu trả lại và phải bị kỷ luật về mặt hành chính.

Điều 14. — Thời gian giao nhận, chế độ giao nhận, vận chuyển và bốc dỡ hàng hóa do hai bên thỏa thuận quy định cụ thể với nhau, nhưng không được trái với các chế độ, thể lệ về giao nhận, vận chuyển và bốc dỡ hàng hóa đã quy định trong thông tư số 32-TTg ngày 1-2-1960 và các thông tư khác của Thủ tướng Chính phủ có liên quan đến vấn đề này.

Tùy từng loại hàng có thể quy định thời hạn giao nhận theo từng tháng, từng quý.

Đối với các mặt hàng sản xuất theo thời vụ, bên bán có thể giao từ quý nọ sang quý kia, năm trước sang năm sau. Đối với những hàng muốn giao nhận trước thời hạn, hoặc muốn giao nhận quá mức đã quy định trong hợp

đồng, phải báo cho nhau biết trước 10 ngày và phải được sự thỏa thuận của cả đôi bên.

Nếu bên bán giao hàng không đúng thời hạn quy định trong hợp đồng thì cứ một ngày quá hạn sẽ bị phạt 0,02% giá trị hàng hóa giao chậm. Nếu giao chậm trên 10 ngày thì sẽ bị phạt từ 1 đến 3% giá trị hàng hóa giao chậm.

Trong trường hợp hàng hóa giao tại kho bên bán, nếu bên mua không đến nhận hàng đúng thời hạn đã quy định trong hợp đồng, thì bên mua sẽ bị phạt 0,02% giá trị hàng hóa nhận chậm, đồng thời phải bồi thường cho bên bán các khoản phí tồn về lưu kho, lưu bãi và bảo quản. Nếu quá thời hạn, giao nhận 30 ngày mà bên mua vẫn chưa đến nhận, thì phải bồi thường gấp đôi số phí tồn nói trên.

Trong trường hợp hàng hóa giao tại kho bên mua, sau khi kiểm nghiệm theo đúng thủ tục quy định trong thông tư số 32-TTg ngày 1-2-1960, nếu nhận thấy quy cách, phẩm chất, tiêu chuẩn kỹ thuật không đúng với hợp đồng và không thể tiêu thụ được, thì bên mua vẫn phải nhận để giải phóng phương tiện vận chuyển, đồng thời trong vòng ba ngày phải báo cho bên bán biết. Khi nhận được giấy báo, bên bán phải giải quyết trong vòng 10 ngày. Nếu quá hạn 10 ngày bên bán không giải quyết, thì phải bồi thường gấp đôi số phí tồn lưu kho, lưu bãi và bảo quản cho bên nhận. Nếu bên mua trì hoãn hoặc không nhận hết số hàng đã chở đến theo hợp đồng, thì sẽ bị phạt 0,02% giá trị hàng không nhận và phải bồi thường mọi thiệt hại do việc từ chối không nhận hàng gây ra.

Đối với các loại hàng chóng hư hỏng, sau khi kiểm nghiệm thấy không đúng quy cách phẩm chất, thì bên mua phải báo cáo ngay với Ủy ban hành chính địa phương để thành lập một Hội đồng gồm đại diện của Ủy ban hành chính địa phương chủ trì, và đại diện bên mua, đại diện bên bán, đại diện cơ quan kiểm nghiệm (nếu có). Hội đồng này có trách nhiệm giải quyết số hàng không đúng quy cách và phẩm chất ấy nhằm bảo đảm số hàng ấy được tiêu thụ trước khi hư hỏng.

Số tiền bán hàng ấy sẽ trả lại cho bên bán sau khi đã trừ mọi phí tồn, và bên bán phải thay thế hàng khác cho đủ số lượng, trọng lượng đã ghi trong hợp đồng.

Đối với hàng đã giao đúng quy cách, phẩm chất, bên mua không được viện bất cứ lý do gì để từ chối không nhận và phải thanh toán đầy đủ và đúng thời hạn cho bên bán.

Điều 15. — Giá hàng ghi trong hợp đồng là giá của Nhà nước quy định (giá điều động nội bộ, giá chi đạo mua vào, bán ra).

Đối với những loại hàng chưa có giá của Nhà nước quy định, thì hai bên có thể thỏa thuận ghi giá tạm tính để làm cơ sở thanh toán khi giao, nhận hàng. Nếu hai bên không thể nhất trí trong việc quy định giá tạm tính, thì tạm lấy giá của bên bán để thanh toán. Đối với những loại hàng nào có thể so sánh được với những loại hàng đã có giá tiêu chuẩn bán lẻ, thì tạm lấy giá tiêu chuẩn bán lẻ để thanh toán. Sau khi hai bên đã thống nhất với nhau về giá tạm tính, thì phải báo cáo lên cơ quan có thẩm quyền đề xin giá chính thức. Đối với loại hàng do các Bộ, Tổng cục, hoặc các Ủy ban hành chính các khu, thành phố, tỉnh, định giá thì trong vòng từ 30 đến 45 ngày phải có giá chính thức. Đối với loại hàng do Hội đồng Chính phủ định giá, thì trong vòng 30 ngày các Bộ, Tổng cục, các Ủy ban hành chính các khu, thành phố, tỉnh, phải chuẩn bị đầy đủ tài liệu để trình Hội đồng Chính phủ xét duyệt giá.

Sau khi đã có giá chính thức của Nhà nước, nếu có chênh lệch về giá, thì hai bên phải thanh toán lại với nhau, đồng thời phải bồi hoàn cả tiền lãi vay Ngân hàng do việc thanh toán trễ gây ra.

Điều 16. — Việc thanh toán phải theo đúng thể lệ thanh toán và quản lý tiền mặt của Ngân hàng Nhà nước. Nếu thanh toán chậm trễ thì sẽ chịu phạt theo thể lệ của Ngân hàng.

Điều 17. — Bên vi phạm hợp đồng có thể được giảm hoặc miễn mức phạt và tiền bồi thường thiệt hại thực tế trong những trường hợp đã quy định ở điều 11 của « Điều lệ tạm thời quy định những nguyên tắc xử lý trong việc chấp hành chế độ hợp đồng kinh tế » ban hành theo nghị định số 29-CP ngày 23 tháng 2 năm 1962 của Hội đồng Chính phủ.

Chương III

CÁC ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. — Những vụ vi phạm hợp đồng mua bán hàng hóa trong nước sẽ do Hội đồng trọng tài các cấp xử lý. Khi xử lý, Hội đồng trọng tài các cấp phải căn cứ vào điều lệ tạm thời quy định những nguyên tắc xử lý trong việc chấp hành chế độ hợp đồng kinh tế ban hành theo nghị định số 29-CP ngày 23 tháng 2 năm 1962 của Hội đồng Chính phủ, và các thông tư, chỉ thị có liên quan, đồng thời phải căn cứ vào hoàn cảnh cụ thể của từng ngành, từng địa phương, từng loại hàng, từng trường hợp bị vi phạm và thái độ hợp tác xã hội chủ

nghĩa của cả hai bên mà quyết định mức phạt tiền trong phạm vi đã quy định của bản điều lệ này.

Điều 19. — Điều lệ tạm thời xử lý các vụ vi phạm chế độ hợp đồng mua bán hàng hóa này không áp dụng đối với các loại hợp đồng mua bán hàng nhập khẩu.

Thủ tướng Chính phủ
PHẠM VĂN ĐỒNG

QUYẾT ĐỊNH số 75-CP về việc tách Vụ Á châu thuộc Bộ Ngoại giao thành hai Vụ.

HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ luật tổ chức Hội đồng Chính phủ ngày 14 tháng 7 năm 1960;

Căn cứ nghị định của Hội đồng Chính phủ số 157-CP ngày 9 tháng 10 năm 1961 quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Ngoại giao;

Theo đề nghị của ông Bộ trưởng Bộ Ngoại giao;

Căn cứ nghị quyết của Hội đồng Chính phủ trong Hội nghị Thường vụ của Hội đồng Chính phủ ngày 19 tháng 12 năm 1962,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. — Nay tách Vụ Á châu thuộc Bộ Ngoại giao thành hai Vụ: Vụ Á châu I và Vụ Á châu II.

Điều 2. — Mỗi Vụ nói trên có nhiệm vụ giúp ông Bộ trưởng Bộ Ngoại giao nghiên cứu, theo dõi tình hình những nước trong khu vực mình phụ trách, nhằm thực hiện tốt chính sách ngoại giao của Chính phủ ta đối với các nước ấy.

Điều 3. — Mỗi Vụ nói trên do một Vụ trưởng phụ trách; Vụ trưởng có một hoặc hai Vụ phó giúp việc.

Điều 4. — Nhiệm vụ cụ thể và tổ chức bộ máy của Vụ Á châu I và Vụ Á châu II do ông Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quy định.